TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **453**/2023/DS-PT
Ngày: 14-9-2023
V/v *"Tranh chấp QSD đất và bồi thường thiệt hại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/8/2023, ngày 17/8/2023, ngày 07/9/2023 và ngày 14/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2023/TLPT-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2023, về việc: *"Tranh chấp QSD đất và bồi thường thiệt hại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2023/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Lương Tấn L, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Lương Tấn L: Anh Trần Tấn T, sinh năm 1977 (có mặt); Địa chỉ: Số A, tỉnh lộ 848, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/4/2021);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lương Tấn L: Luật sư Mai T1 - Văn phòng luật sư Tuyên T2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt: ngày 09/8/2023 nhưng do Luật sư T1 bị bệnh đột xuất nên tạm ngừng phiên tòa, ngày 17/8/2023 và ngày 07/9/2023; vắng mặt: khi tuyên án ngày

14/9/2023).

2. ***Bị đơn:*** Lương Văn L1, sinh năm 1929 (chết năm 2022).

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm:

2.1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1940;

2.2. Lương Văn S, sinh năm 1975 (có mặt);

2.3. Lương Văn H1, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Lương Thị T3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Lương Văn L2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.6. Lương Văn Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.7. Lương Thị O, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, chị Lương Thị O, anh Lương Văn Đ: Anh Trần Đình H2, sinh năm 1989 (có mặt); Địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/8/2023).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Lê Thị C, sinh năm 1969 (có mặt);

3.2. Lương Bội L3, sinh năm 1990 (có mặt);

3.3. Lương Hữu T4, sinh năm 1989 (có mặt);

3.4. Lương Hoàng Gia B, sinh năm 2004 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1940;

3.6. Lương Văn H1, sinh năm 1971;

3.7. Lương Văn S, sinh năm 1975 (có mặt);

3.8. Lê Thị H3, sinh năm 1975 (có mặt);

3.9. Lương Lê Như Q, sinh năm 2001;

3.10. Lương Lê Gia B1, sinh năm 2011;

Người đại diện theo pháp luật của Lương Lê Gia B1: Anh Lương Văn S, sinh năm 1975 (có mặt) là cha ruột.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Lương Lê Như Q: Anh Trần Đình

H2, sinh năm 1989 (có mặt); Địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/8/2023).

3.11. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ trụ sở: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Lương Tấn L là nguyên đơn; Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn H1, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn S, chị Lương Thị O là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lương Tấn L ủy quyền cho anh Trần Tấn T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Lý Thị Kim H4 (chết) bán cho ông Lương Văn B2 (chết) năm 2017. Ông B2 (là cha của ông L) chuyển nhượng đất của bà H4 vào ngày 12/4/1990, diện tích là 05 công tầm cắt (chiều ngang khoảng 38m, chiều dài khoảng 160m), với số vàng là 02 chỉ vàng 24 kara, ông L không biết số thửa đất và tờ bản đồ số mấy. Vị trí đất cạnh giáp đất ông Bùi Văn T5; cạnh giáp đất ông Đặng Văn B3; cạnh giáp phía sau nhà ở ông L, ông L1 và cạnh giáp đất ông L1. Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất là 2.727m^2, phần diện tích 1.300m^2 được cấp giấy chứng nhận cho ông Lương Hữu T6 (ông T6 là anh ruột ông L), phần đất này ông T6 đã bán cho anh Lương Văn L2 con ông L1. Phần đất còn lại diện tích khoảng 2.592m^2 thì ông L quản lý sử dụng cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Khoảng năm 2019, vợ con ông L trồng cây ăn trái trên đất mua của bà H4 thì bị ông L1 ngăn cản và ông L1 cho rằng phần đất này ông L1 đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất, kể cả phần đất nhà 560m^2 của ông L. Sau đó, ông L gửi đơn tranh chấp và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã B Trung hoà giải ngày 06/02/2020, ông L1 thừa nhận phần đất ông L đang ở và có nhà trên đất diện tích 560m^2 là do có sự kê khai nhầm lẫn nên ông L1 không tranh chấp phần đất này. Lúc ông B2 còn sống có nói với ông L1 là nếu lỡ kê khai đất rồi thì sang tên lại cho ông B2, nhưng ông L1 nói là giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp ngân hàng nên khi nào lấy giấy đất ra sẽ sang tên lại cho ông L. Còn phần đất của bà H4 thì ông L1 cho rằng ông đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất nên không đồng ý trả lại cho ông L.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông L1, yêu cầu hộ ông L1 trả lại QSD đất diện tích 2.447,5m^2, đất thuộc một phần thửa số 3, tờ bản đồ số 26, do hộ ông L1 đứng tên QSD đất và phần lối đi theo Sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022 từ mốc M3 kéo đến M15, nếu giao đất cho

ông L thì phía hộ ông L1 tự di dời cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Trên phần đất tranh chấp phía sau nhà diện tích 1.918m^2, có khu mồ thì giữ nguyên hiện trạng, còn cây trồng trên đất thì ông L cho rằng nếu Tòa án giao đất cho ông L sử dụng thì bên hộ ông L1 tự di dời trả lại đất, không đồng ý bồi thường cây trồng trên đất.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 là bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, chị Lương Thị O và anh Lương Văn Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ba ông L1 là cụ Lương Văn C1 (chết năm 1968) để lại cho ông L1 sử dụng từ năm 1968 đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu vào năm 1991. Đến năm 2011, được cấp đổi thành thửa đất số 3, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.155,8m^2 (Theo đo đạc thực tế diện tích là 3.144,3m^2). Vị trí: Cạnh giáp đất ông Bùi Văn T5; cạnh giáp kênh Thuỷ lợi; cạnh giáp đất ông B2 và cạnh giáp đường đal. Trên đất này thì ông L1 có bơm cát để làm sân phơi lúa như hiện nay, khu mộ thì ông L1 quản lý để chôn cất dòng họ, trên đất tranh chấp thì ông L1 trồng một số cây như cây nhãn, cây nguyệt quế, cây sầu đâu, cây mãn cầu xiêm, cây sao, cây dừa, cây tràm, cây mai, cây xoài...Nếu Tòa án giao đất cho bên ông L sử dụng thì bên hộ ông L1 tự đốn bỏ, di dời và không yêu cầu ông L bồi thường giá trị cây trồng. Đối với khu mồ mã của ông bà và bên cha ông Liềm thì giữ nguyên hiện trạng. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất thửa số 3, tờ bản đồ số 26, không đồng ý trả lại phần đất phía sau nhà diện tích 1.918m^2 cho ông L sử dụng. Anh Đ đại diện đồng ý trả lại ông L phần đất đang sử dụng diện tích 529,5m^2 đất, thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 26, do hộ ông L1 đứng tên và yêu cầu ông L bồi thường bụi tre trị giá 5.000.000 đồng.

Các đương sự thống nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp và Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST, ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Tấn L yêu cầu hộ ông Lương Văn L1 (Hộ ông L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn H1, anh Lương Văn S, chị Lê Thị H3, em Lương Lê Gia B1, em Lương Lê Như Q, gọi tắt là hộ ông L1) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O trả lại QSD đất.

2. Đình chỉ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O yêu cầu ông Lương Tấn L bồi thường bụi tre trị giá 5.000.000 đồng.

Buộc hộ ông Lương Văn L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O trả lại QSD đất cho ông Lương Tấn L diện tích 1.329,9m^2 (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, D, C, B, M7, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Lương Văn L1 di dời cây trồng, vật kiến trúc trên đất ra khỏi diện tích 1.329,9m^2, (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, D, C, B, M7, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để giao đất lại cho ông Lương Tấn L.

Ông Lương Tấn L được QSD diện tích 1.329,9m^2, (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, D, C, B, M7, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Xác định ranh giới QSD đất giữa đất của ông Lương Tấn L với đất của hộ ông Lương Văn L1 là nối từ mốc M3, M14, M11, D, C đến B, đất tọa lạc tại xã B, huyện L. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Đề nghị UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp thu hồi QSD đất diện tích 1.329,9m^2, (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, D, C, B, M7, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Lương Tấn L.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại QSD đất và đăng ký QSD đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2020, 08/7/2022, 29/3/2023 và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 18/7/2022, ngày 17/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ ông Lương Văn L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O nộp 1.127.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0013616 ngày 22 tháng 8 năm 2022, phải nộp tiếp số tiền 827.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lương Tấn L nộp 5.588.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp 11.664.000 đồng theo biên lai thu số 0009327 ngày 16 tháng 3 năm 2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009562 ngày 23 tháng 9 năm 2020, ông L được nhận lại 6.076.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hộ ông L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O có trách nhiệm trả lại cho ông Lương Tấn L chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.824.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 27/4/2023 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án theo hướng không đồng ý giao toàn bộ diện tích 1.329,9m^2 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã B, huyện L cho ông Lương Tấn L sử dụng. Ngày 28/4/2023 nguyên đơn ông Lương Tấn L đã kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc hộ ông Lương Văn L1 phải trả lại cho ông L một phần diện tích đất thửa số 3, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.117,4m^2, loại đất CLN theo các mốc M11, D, C, B, M8, M9, M10, M15, M11 theo Sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lương Tấn L là Luật sư Mai T1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà C2 để lại phần ăn cho bà Lý Thị Kim H4. Ngày 12/4/1990 bà H4 thỏa thuận chuyển nhượng (bán) cho ông Lương Văn B2 (cha ông Liềm) diện tích là 05 công tầm cắt, có vị trí rõ ràng thể hiện theo Tờ bán đất đứt và Tờ bán thành quả lao động, điều này còn được thể hiện qua lời khai và vi bằng của ông Phan Cẩm T7 và bà Lương Thị M. Việc ông B2 trả thành quả lao động cho bà H4 là có cả phần đất tranh chấp

với ông L1. Việc hộ L1 thừa nhận bà H4 bán cho ông B2 03 công tầm cắt là phần đất lúa phía sau đất tranh chấp là không có căn cứ mà lời khai ông T7, bà M xác định là bao gồm cả phần đất phía sau nhà ông L1, ông B2 là 05 công tầm cắt. Phần ông L1 mua đất của ông Đ1 cũng là 05 công tầm cắt đất lúa phía sau đất ông B2 mua của bà H4. Khi ông L1 đăng ký QSD đất lần đầu thì chỉ có phần phía trước là đất thổ diện tích 1.300m^2, đăng ký lần sau mới có phần đất phía sau là đất đang tranh chấp diện tích tăng lên theo QSD đất thửa 3 là 3.155,8m^2. Ông L1 và ông B2 sử dụng chung là do trước đó ông C1 là cha của họ sử dụng đất này do thuê đất bà C2, bà H4. Khi trả thành quả lao động là do ông B2 đứng ra trả cho bà H4 năm 1990. Khi bơm cát lấp hầm làm sân phơi lúa thì ông L1 có hỏi ý kiến của ông B2 và được ông B2 đồng ý để sử dụng chung. Nhà ông B2 đã có trên đất được xây dựng từ năm 1960 nhưng lại cấp QSD đất cho ông L1 là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L tiếp tục buộc hộ ông Lương Văn L1 phải trả lại cho ông L một phần diện tích đất thửa số 3, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.117,4m^2.

- Nguyên đơn ông Lương Tấn L có anh Trần Tấn T là đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, chị Lương Bội L3 và anh Lương Hữu T4 trình bày: Thống nhất với lời bảo vệ của Luật sư Mai T1 như nêu trên.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O có anh Trần Đình H2 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Tờ bán đất đứt và Tờ bán thành quả lao động ngày 12/4/1990 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không thể hiện rõ ngang, dài cụ thể và vị trí diện tích đất hay thửa đất cụ thể mà các bên thỏa thuận mua bán (chuyển nhượng). Nếu là đất ông B2 nhận chuyển nhượng thì tại sao ông B2 không đăng ký QSD đất toàn bộ để được đứng tên mà chỉ đăng ký diện tích đất trồng lúa. Lời khai ông T7, bà M xác định việc mua bán đất nhưng không rõ vị trí đất cụ thể. Hầm là do ông L1 san lấp làm sân phơi lúa và trồng cây trên đất, có cho ông L sử dụng khi còn thuận thảo. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông C1 khai phá sử dụng từ năm 1945, đến năm 1968 khi ông C1 chết thì để lại cho ông L1 sử dụng cho đến nay, nên việc bà H4 làm Tờ bán đất đứt và Tờ bán thành quả lao động đối với đất tranh chấp cho ông B2 năm 1990, trong khi trên đất đã có nhà ông L1, ông B2, mộ ông C1, mộ ông bà của ông L1…là không phù hợp, việc nguyên đơn cho rằng ông C1 mướn đất của bà C2, sau đó là bà H4 là không có cơ sở do không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc này. Theo Công văn số 148/UBND-NC ngày 02/10/2020 của UBND huyện L xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông L1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Trong quá trình sử dụng đất tranh chấp ông L1 đã đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ từ năm 1991 cho đến nay đã trên 30 năm. Việc Tòa án

cấp sơ thẩm tuyên dành lối đi diện tích 165,4m^2 cho nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời gây thiệt hại cho phía hộ ông L1 vì ngoài lối đi này thì hộ ông L1 không còn lối đi nào khác để vận chuyển lúa từ đất ruộng (trồng lúa) phía sau vào nhà ông L1. Phần đất khu mộ phía sau Tòa án sơ thẩm tuyên giao cho ông L, sẽ ảnh hưởng quyền lợi hộ ông L1 như các cây sao, tràm… do ông L1 trồng trên 30 năm, ngoài ra có mộ chị P là con ông L1 được chôn và xây dựng từ năm 1987, nếu giao cho ông L sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc mộ và thờ cúng. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc hộ gia đình ông L1 giao đất cho ông Lương Tấn L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn S và chị Lê Thị H3 thống nhất trình bày của anh H2 như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Tấn L, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Tấn L và chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O; tuyên xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo hướng giao diện tích đất 159m^2 có mộ chị Lương Thị P1 (con ông L1) được xây dựng năm 1987 và các cây trồng hộ ông L1 trồng trên phần đất này, đồng thời ghi nhận hộ ông L1 được sử dụng lối đi chung diện tích 165,4m^2 với hộ ông L mà không ai được quyền ngăn cản hay cản trở theo sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp về QSD đất và bồi thường thiệt hại tài sản"* là đúng quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Lương Tấn L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Các đương sự nộp đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự Lương Hoàng Gia B4 và đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lương Tấn L cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ba ông L là ông Lương Văn B2 mua (nhận chuyển nhượng) của bà Lý Thị Kim H4 vào ngày 12/4/1990, diện tích là 05 công tầm cắt (chiều ngang khoảng 38m, chiều dài khoảng 160m). Ông L đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 2.727m^2, ông Lương Hữu T6 là anh của ông L đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 1.300m^2, phần đất còn lại diện tích khoảng 2.592m^2 khi phát sinh tranh chấp với hộ ông L1 thì được biết ông L1 đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong khi hộ ông L quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay, nguyên đơn yêu cầu hộ ông L1 trả lại đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông L1. Còn những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ba ông L1 là cụ Lương Văn C1 (chết năm 1968) để lại cho ông L1 sử dụng từ năm 1968 đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu vào năm 1991, đến năm 2011 được cấp đổi thành thửa đất số 3, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.155,8m^2 (Theo đo đạc thực tế diện tích là 3.144,3m^2) nên không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ thống nhất chuyển QSD đất cho nguyên đơn diện tích 529,5m^2 đất. Điều này làm phát sinh tranh chấp giữa các bên.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy Tờ bán đất đứt ngày 12/4/1990 và Tờ bán thành quả lao động giữa bà Lý Thị Kim H4 bán (chuyển nhượng) cho ông Lương Văn B2 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chỉ ghi diện tích là 05 công tầm cắt, không ghi số thửa, tờ bản đồ, không xác định được thửa đất này nằm vị trí nào và ai đang quản lý sử dụng; những người làm chứng trong đó có các con bà H4 như Thạch Thị T8, Thạch Thị T9 và Thạch H5 cũng không xác định được cụ thể vị trí đất chuyển nhượng, riêng bà T8 và bà T9 không biết việc chuyển nhượng đất của bà H4 cho ông B2, nên không có căn cứ chứng minh đất tranh chấp là do ông B2

mua của bà H4. Mà có cơ sở chứng minh đất tranh chấp là của cụ C1 cha ông Bôn, ông L1 để lại như thừa nhận của ông L (con ông B2) và anh S (con ông L1) tại phiên tòa là ông C1 đã sử dụng từ những năm 1945. Trong vụ án này hộ ông L1 thống nhất chuyển QSD đất cho ông L diện tích 529,5m^2 trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M11, M14, M3 có nhà ông B2 trên đất, đây là sự tự nguyện giữa các đương sự, nên được chấp nhận là phù hợp. Đối với phần đất khu mộ diện tích 635m^2, trong đó phần diện tích 476m^2 có mộ của ông Lương Văn B2 là cha ông Liềm, bà Ngô Thị D là con dâu ông B2, phần đất này hộ ông L bồi đắp cao hơn mặt đất lúa khoảng 1m sử dụng làm khu mộ chôn cất ông B2 và người thân trong gia đình ông L từ trước cho đến nay, năm 2019 ông L có trồng 04 cây mai vàng, 07 cây dừa và 01 cây tắc (hạnh) trên đất gần 02 ngôi mộ nên Tòa án sơ thẩm giao cho ông L là có cơ sở; còn phần đất còn lại diện tích 159m^2 có mộ chị Lương Thị P1 (con ông L1) được xây dựng năm 1987 và hộ ông L1 có trồng các cây trồng như: 16 cây sao lớn, 05 cây tràm lớn, 01 bụi trúc, 01 cây xoài cặp kênh thủy lợi gần mộ chị P1. Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm giao luôn phần đất diện tích 635m^2 có ngôi mộ chị P1 và các cây trồng này cho ông L sử dụng là không phù hợp mà cần thiết giữ nguyên diện tích đất 159m^2 cho hộ ông L1, chỉ giao cho ông L diện tích đất 476m^2 là có cơ sở, đồng thời để tạo điều kiện cho ông L có đường đi ra khu mộ diện tích đất 476m^2 và thuận tiện trong việc chăm sóc lúa nên Tòa án sơ thẩm cũng chấp nhận cho ông L lối đi từ phía sau nhà chiều ngang 3m, chiều dài đến khu mộ có diện tích 165,4m^2, do đất cụ C1 để lại nên không trả giá trị đất cho hộ ông L1, xét là có cơ sở và phù hợp. Tuy nhiên, phần lối đi diện tích 165,4m^2 các đương sự đều thống nhất nếu Tòa án giao cho ai được đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thì vẫn sử dụng là lối đi chung cho hộ ông L1 và hộ ông L vì đó là đường vận chuyển lúa và lối đi chung duy nhất giữa hai hộ ông L và ông L1 từ trước cho đến nay, nên xác định phần đất lối đi giao cho ông L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất nhưng là lối đi chung của hộ ông L và hộ ông L1 không ai có quyền ngăn cản hay cản trở là phù hợp.

Đối với việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông L1 trong đó có diện tích đất 529,5m^2 có nhà ông B2 trên đất là không phù hợp, tuy nhiên trong vụ án này hộ ông L1 cũng thống nhất tách chuyển QSD đất này cho ông L, nên chỉ yêu cầu UBND huyện L thu hồi cấp lại cho ông L mà không cần hủy giấy chứng nhận QSD đất là có cơ sở. Đồng thời đề nghị UBND huyện L thu hồi diện tích đất khu mộ 476m^2 và diện tích đất lối đi 165,4m^2 như nêu trên đã cấp QSD cho hộ ông L1 để cấp lại cho ông L như phân tích trên là phù hợp. Các diện tích còn lại giữ nguyên cho hộ ông L1 được tiếp tục sử dụng.

Đối với cây trồng, tài sản của hộ ông L hay hộ ông L1 có trên đất đã giao cho đương sự khác thì phải có nghĩa vụ di dời. Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quá

trình sử dụng đất và lời khai các đương sự có cơ sở xác định ông L trồng cây gồm 02 bụi tre (trồng hơn 30 năm), 04 cây mai vàng, 07 cây dừa, 01 cây tắc (hạnh) gần mộ ông B2, các cây còn lại xác định là do hộ ông L1 trồng.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Tấn L vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc hộ ông Lương Văn L1 phải trả lại cho ông L một phần diện tích đất thửa số 3, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.117,4m^2, loại đất CLN theo các mốc M11, D, C, B, M8, M9, M10, M15, M11 theo Sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022. Xét thấy, như phân tích trên nguyên đơn không chứng minh được đất tranh chấp là của bà H4 chuyển nhượng cho ông B2 cũng như chứng minh được đất tranh chấp là do bà C2 hay bà H4 cho cụ C1 thuê đất, không chứng minh được đất thuộc QSD hợp pháp của bà H4 trước khi chuyển nhượng cho ông B2 theo Tờ bán đất đứt ngày 12/4/1990 và Tờ bán thành quả lao động giữa bà H4 bán cho ông B2 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, mà đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ C1 để lại cho các con là ông B2 và ông L1 cùng sử dụng, nên việc công nhận đất cho ông L theo diện tích đất mà ông B2 và ông L đã sử dụng ổn định, lâu dài, còn diện tích đất đã được hộ ông L1 sử dụng ổn định, lâu dài như đã trồng cây, xây dựng công trình, vật kiến trúc và là đất khu mộ của gia đình ông L1, nên công nhận cho hộ ông L1, xét là hợp lý và phù hợp pháp luật như đã phân tích trên. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông L.

Đối với kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án theo hướng không buộc gia đình giao đất cho ông Lương Tấn L là không có cơ sở. Bởi lẽ, nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ C1 để lại cho các con là ông B2 và ông L1 cùng sử dụng, việc ông L1 kê khai toàn bộ để được cấp giấy chứng nhận QSD đất trong khi đã có nhà ở, khu mồ mã, công trình, vật kiến trúc của ông B2 trên đất là không phù hợp, mặt khác ông L1 cũng không chứng minh được đất tranh chấp là do cụ C1 cho riêng ông L1 để ông đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên, xét thấy phần diện tích 159m^2 có mộ chị Lương Thị P1 (con ông L1) được xây dựng năm 1987 và hộ ông L1 có trồng các cây trồng trên phần đất này, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho hộ ông L là không phù hợp mà cần giao cho hộ ông L1 sử dụng là hợp lý. Đồng thời, hộ ông L1 được sử dụng lối đi chung diện tích 165,4m^2 với hộ ông L mà không ai được quyền ngăn cản hay cản trở là phù hợp. Vì vậy, chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, anh S, anh H1, chị T3, anh L2, anh Đ và chị O.

[5] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Tấn L và chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương

Văn L1 là bà H, anh S, anh H1, chị T3, anh L2, anh Đ và chị O, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa, kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Tấn L không được chấp nhận và kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1 là bà H, anh S, anh H1, chị T3, anh L2, anh Đ và chị O được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với nguyên đơn ông Lương Tấn L thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông L được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Tấn L

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn H1, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn S, chị Lương Thị O là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lương Văn L1;

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các khoản 4 Điều 91, 93, khoản 3 Điều 144, 147, 148, 157, 165, khoản 1 Điều 228, 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, Điều 166 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 105, 106, 166, 170, 179 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Tấn L yêu cầu hộ ông Lương Văn L1 (Hộ ông L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn H1, anh Lương Văn S, chị Lê Thị H3, em Lương Lê Gia B1, em Lương Lê Như Q, gọi tắt là hộ ông L1) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông

Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O trả lại QSD đất.

Buộc hộ ông Lương Văn L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O trả lại QSD đất cho ông Lương Tấn L diện tích 1.170,9m^2 (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, C, D, E2, E1, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (diện tích đất 1.170,9m^2 gồm diện tích đất 529,5m^2 có nhà ông L trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M11, M14, M3; diện tích đất 165,4m^2 là lối đi chung trong phạm vi các mốc M5, C, D, A, M5 và diện tích đất 476m^2 là khu mộ gia đình ông L trong phạm vi các mốc A, D, E2, E1, M6, A). Đồng thời buộc hộ ông Lương Văn L1 di dời cây trồng, vật kiến trúc trên đất ra khỏi diện tích 1.170,9m^2 nêu trên để giao đất lại cho ông Lương Tấn L được quyền sử dụng.

Xác định ranh giới QSD đất giữa đất của ông Lương Tấn L với đất của hộ ông Lương Văn L1 là nối từ mốc M3, M14, M11, C, D, E2 đến E1, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Đề nghị UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp thu hồi QSD đất diện tích 1.170,9m^2 (Trong đó mục đích sử dụng diện tích 150m^2 đất thổ, còn lại đất cây lâu năm), trong phạm vi các mốc M4, M3, M14, M11, C, D, E2, E1, M6, A, M5, M4 đất thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ số 26, theo đo đạc thực tế diện tích 3.144,3m^2, được UBND huyện L cấp cho hộ ông Lương Văn L1 đứng tên vào ngày 16/11/2011, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Lương Tấn L.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại QSD đất và đăng ký QSD đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2020, 08/7/2022, 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 18/7/2022, ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

3.2. Đình chỉ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương

Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O yêu cầu ông Lương Tấn L bồi thường bụi tre trị giá 5.000.000 đồng.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ ông Lương Văn L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn L1 gồm: Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O chịu 1.127.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0013616 ngày 22 tháng 8 năm 2022, phải nộp tiếp số tiền 827.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lương Tấn L được xét miễn án phí nên ông L được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 11.664.000 đồng, theo biên lai thu số 0009327 ngày 16/3/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009562 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hộ ông L1 có trách nhiệm trả lại cho ông Lương Tấn L chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.824.000 đồng. Anh Lương Văn S tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2023 là 200.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm

- Ông Lương Tấn L được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn S, anh Lương Văn H1, chị Lương Thị T3, anh Lương Văn L2, anh Lương Văn Đ, chị Lương Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà các đương sự đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0016636 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

Ngô Tấn Lợi